

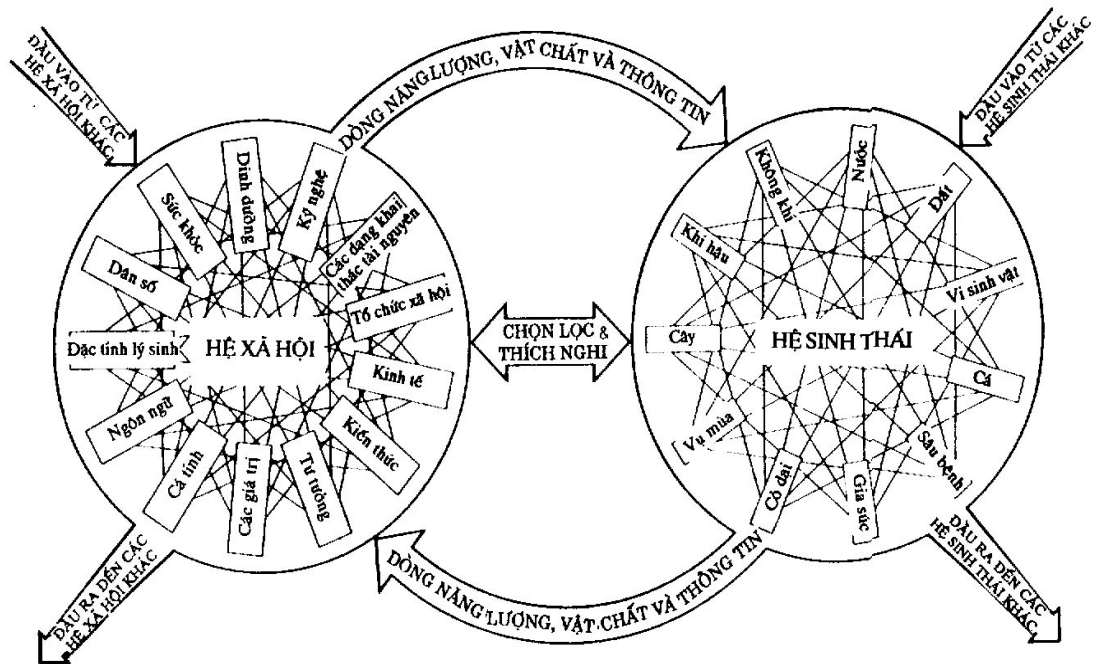
Sinh thái Nhân văn Sinh học và nghèo cấu trúc trong phát triển cộng đồng thiểu số lưu vực Mê kong

Trần thị Lành 1989 – 1999- 2009

Xuất xứ

Sinh thái Nhân văn sinh học (Biological Human Ecology – **BHE**¹) được hình thành từ lý thuyết Sinh thái Nhân văn xã hội học của Tiến sĩ Terry Rambo – Viện Môi trường và Chính sách, Trung tâm Đông Tây – Hawaii – Hoa kỳ, theo sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ quan hệ giữa hệ sinh thái và hệ xã hội - Tiến sĩ Terry Rambo 1984



Theo tiến sĩ Rambo, Hệ sinh thái và hệ xã hội tương tác, chọn lọc và thích nghi qua trao đổi giữa các dòng *năng lượng, vật chất và thông tin* trong quá trình phát triển.

Sau khi hoàn thành khóa đào tạo sau đại học về Sinh thái Nhân văn của Tiến sĩ Rambo tại Viện Chính sách Môi trường Trung tâm Đông Tây Honolulu – Hawaii – Hoa kỳ tháng 4 năm 1990, trở về Việt nam, ứng dụng thử nghiệm khung lý thuyết của tiến sĩ Rambo

¹ **BHE** – Biological Human Ecology initiated during taking on PHD “Dzao ethnic minority and Bavi National Park 1992 – 1999” of Ms Tran thi Lanh – founder of “Central for Human Ecology Study of Highland” – CHESH

như một phương pháp luận tiếp cận cộng đồng các tộc người thiểu số trong nghiên cứu chiến lược giảm nghèo cấu trúc tại các tỉnh miền núi Việt nam, Lào, và Bắc Thái lan. Những bài học có giá trị thực tiễn được rút ra từ phương pháp luận tiếp cận giảm nghèo cấu trúc là *đặc thù sinh học và bản chất hệ thống của hệ Sinh thái có ý nghĩa quyết định trong tiến trình hình thành nền tảng văn hóa cơ bản và quan niệm về các hành vi văn minh của các tộc người!*.

Sinh thái Nhân văn Sinh học - tóm lược

Đặc thù sinh học và bản chất hệ thống của hệ Sinh thái có chức năng quyết định tính đặc thù văn hóa và các quan hệ xã hội của cộng đồng, phản ánh thực tiễn khách quan tiến trình hình thành và tạo dựng nên các hệ giá trị của các tộc người cũng như các nền văn hóa và lịch sử phát triển đa dạng, chọn lọc và thích nghi với tự nhiên của mỗi tộc người trong những vùng sinh thái cụ thể.

Các công trình tự nghiên cứu về tộc người Dzaio tại Vườn Quốc gia Ba vì, Tộc người Mong tại vùng sinh thái đá vôi bản Ôn ốc, xã Mường Lựm, huyện Yên châu, Tỉnh Sơn la, Tộc người Sinh mun, bản Bó ngòi, xã Phiêng khoài, huyện Yên châu, tỉnh Sơn la, tộc người Mã liêng, Bản Kè, xã Lâm hóa, huyện Tuyên hóa, Tỉnh Quảng bình, Tộc người Giarai, làng Kênh ngo, xã Nghĩa hòa, huyện Chuparh, tỉnh Gialai, tộc người Eđê, bản Kxia, Buôn Ma thuật, tỉnh Đaklak, Tộc người Khơ mú, bản Thành, xã Chiềng păn, Tộc người Thái bản Chiềng đông xã Chiềng đông, huyện Yên châu, Tộc người Macoong, bản Cu tồn xã Tân thượng trạch, huyện Bỏ trạch, Tộc người Nùng, bản Đồng Mậm xã Sơn hải, huyện Lục ngạn, tỉnh Hà bắc, Tộc người Karen, bản Nồng tào, huyện Maewang, Chiangmai, Tộc người Mong, bản Maesamai, Chiangmai, Thailand, Tộc người Mong tại bản Lóng lẩn, Tộc người Khơ mú, Tộc người Lào lùm tại tỉnh Luangphrabang, Lào..., khái niệm Sinh thái Nhân văn Sinh học được hình thành theo thời gian, cùng với chuyện dân gian, ghi chép, đúc kết, vận dụng và kiểm chứng, nay đã trở thành khung khái niệm chỉ dẫn trong suốt tiến trình tiếp cận giảm nghèo cấu trúc và phát triển cộng đồng dựa vào niềm tin và tín ngưỡng riêng của từng tộc người sống trên từng vùng sinh thái.

Sinh thái Nhân văn Sinh học mô phỏng một cộng đồng sống trong một vùng sinh thái cụ thể có cấu trúc tổ chức chặt chẽ như một Tế bào Cơ thể sống.

Cấu trúc của một Tế bào Cơ thể sống có 3 phần thì cấu trúc của một cộng đồng cũng có 3 phần tương đồng:

1) Phần Nhân Tế bào hay được gọi là phần nguyên sinh chất. Tên khoa học gọi là *Chromosomes giữ chức năng di truyền sinh học (heredity)*. Tương đồng với phần Nhân Tế bào, đối với một Cộng đồng là Nhân Giá trị hay còn gọi là *Niềm tin, Tín ngưỡng và hệ thống chuẩn mực* của cộng đồng. Phần Nhân giá trị của Cộng đồng quyết định tính đặc thù giữa cộng đồng tộc người này khác với cộng đồng tộc người khác. Lý thuyết Sinh thái Nhân văn Sinh học mô phỏng phần Nhân giá trị của Cộng đồng cũng giữ chức năng duy trì tính đặc thù của một tộc người như là chức năng di truyền của Chromosomes (ADN - thể nhiễm sắc) của Nhân tế bào.

2) Phần bọc xung quanh Nhân tế bào được gọi là Tế bào chất. Tên khoa học gọi là *cytoplasm có chức năng nuôi dưỡng và duy trì chức năng di truyền của Nhân tế bào*. Tương đồng với Tế bào chất của Tế bào, đối với một Cộng đồng là các Phong tục bất thành văn, hay gọi là Luật và Tục (communal Customary Law/Communal Institutions). Lý thuyết Sinh thái Nhân văn Sinh học mô phỏng phần Luật tục của Cộng đồng có chức năng duy trì và nuôi dưỡng Nhân giá trị của Cộng đồng (nuôi dưỡng niềm tin, tín ngưỡng và hệ thống các chuẩn mực hành vi); và quyết định tính đặc thù về bản sắc văn hóa, về quan hệ kinh tế, xã hội, cũng như các qui chuẩn về hành vi đạo đức giữa tộc người này với tộc người khác. Luật tục của Cộng đồng giống như là *cytoplasm*.

3) Phần ngoài cùng của một Tế bào gọi là màng bọc Tế bào chất (*Cell memberance*) có chức năng bảo vệ (*protection*) tế bào. Tương đồng với màng bọc tế bào, đối với một Cộng đồng là hành vi ứng xử của các thành viên trong cộng đồng với nhau, và với đáng tự nhiên xung quanh họ, thông qua các hoạt động sông, lao động, sản xuất diễn ra hàng ngày giữa cộng đồng với thế giới tự nhiên và với xã hội bên ngoài. Các hành vi ứng xử hàng ngày có giá trị duy trì và bảo vệ các Luật và Tục của cộng đồng nhằm hướng tới Hệ giá trị về Niềm tin và hệ thống chuẩn mực về bản sắc văn hóa của tín ngưỡng mà họ tôn thờ theo thời gian và liên thế hệ.

Nhân, Tế bào chất và màng bọc của Tế bào tồn tại, thích nghi và phát triển trong cơ thể sống cũng tương tự như Cộng đồng tồn tại, thích nghi và phát triển trong thế giới tự nhiên xung quanh họ. Nhân giá trị của Cộng đồng (Niềm tin, Tín ngưỡng và hệ thống chuẩn mực); Luật và Tục bất thành văn của Cộng đồng có tác dụng nuôi dưỡng và làm giàu Nhân giá trị của cộng đồng; các hành vi ứng xử và cơ hội thực hành tín ngưỡng của mọi thành viên trong cộng đồng với nhau, với thế giới tự nhiên và với xã hội bên ngoài như là màng bọc bảo vệ cộng đồng là ba phần tương tác hữu cơ qui định tính thống nhất giữa Niềm tin (belief) và Hành vi (behave), và đồng thời quyết định những nét đặc thù văn minh văn hóa riêng của mỗi tộc người. Đây cũng chính là cách nhìn thế giới và hành xử với thế giới xung quanh của mỗi tộc người. Tiến trình thay đổi của một tộc người, bản sắc văn hóa và quan niệm về văn minh của một tộc người chịu sự chi phối của hệ sinh thái tự nhiên xung quanh họ.

Sinh thái Nhân văn sinh học mô phỏng hệ sinh thái tự nhiên cũng tương tự như tế bào của một cơ thể sống. Nhân tế bào chính là *Sinh vật trung tâm (Central Biomass)* của hệ sinh thái. Sinh vật trung tâm quyết định tính đặc trưng tự nhiên của hệ sinh thái, là tâm gương phản chiếu sở thích, thể mạnh, khả năng tự trụ của Sinh vật đó trong hệ. Sinh vật trung tâm là sinh vật tiên phong của hệ và có chức năng duy trì tính đặc thù cũng như phân biệt sự khác nhau giữa hệ sinh thái này với hệ sinh thái khác.

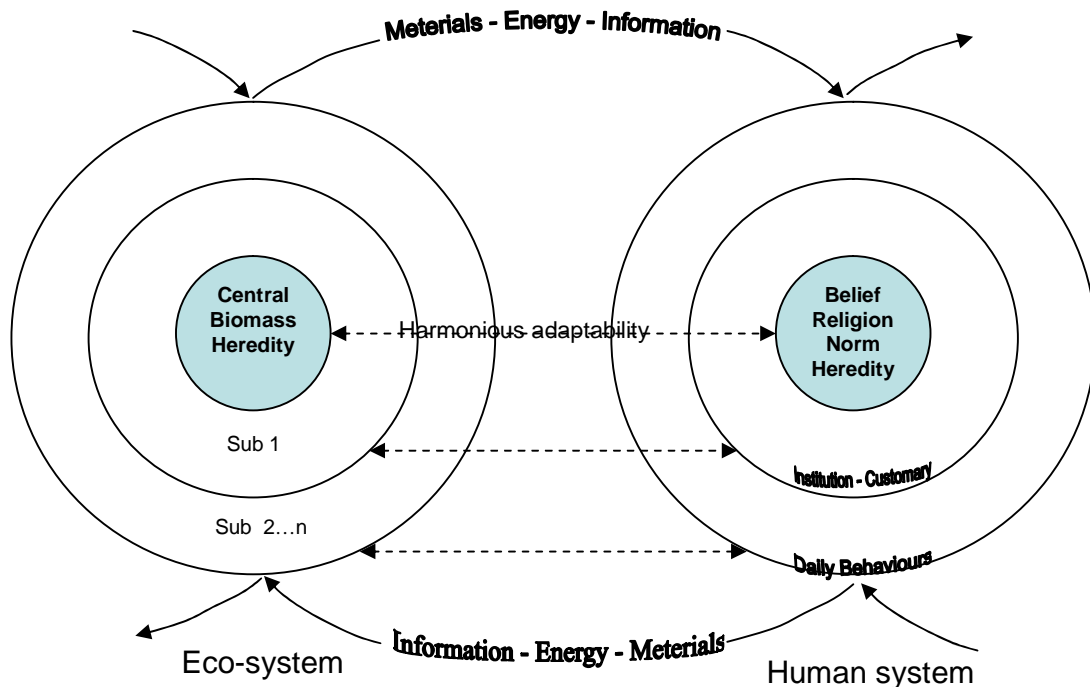
Xung quanh sinh vật trung tâm của hệ, có các sinh vật phụ hay gọi là sinh vật thứ cấp *Sub-biomass*. Một hệ sinh thái càng có nhiều sinh vật thứ cấp, hệ sinh thái đó càng đa dạng loài và thành phần.

Sinh thái Nhân văn Sinh học mô phỏng tính đa dạng của hệ sinh thái như là những vòng tròn đồng tâm. Sinh vật trung tâm là Nhân. Một hệ càng tồn tại nhiều *Vòng đồng tâm (concentric circles)* có nghĩa hệ sinh thái đó càng đa dạng, tính cạnh tranh càng mãnh liệt, sức chống chịu của hệ sinh thái càng cao, bản chất hệ thống và tính đặc thù càng rõ rệt, chức năng nuôi dưỡng và phát triển *Sinh vật Trung tâm* càng bền vững.

Sinh thái Nhân văn Sinh học mô phỏng mối quan hệ giữa cộng đồng (hệ nhân văn) và thế giới tự nhiên (hệ sinh thái) thông qua sự trao đổi hữu cơ giữa 1) dòng vật chất (Material Flow) để sinh ra 2) dòng năng lượng (Energy Flow) và, có từ hai dòng này sinh ra nhu cầu trao đổi về 3) dòng thông tin (Information Flow) giữa hai hệ với nhau, và với các hệ xung quanh.

Kết quả nghiên cứu nhân chủng học định tính tại cộng đồng các tộc người thiểu số lưu vực Mêkông cho thấy: Nhân giá trị của Cộng đồng (Niềm tin, Tín ngưỡng, hệ thống chuẩn mực) bị chi phối bởi Sinh vật Trung tâm của hệ sinh thái. Hành vi ứng xử hàng ngày và cơ hội thực hành các hành vi Tín ngưỡng phụng thờ tự nhiên của các thành viên trong cộng đồng với nhau và với hệ sinh thái tự nhiên xung quanh lệ thuộc vào tính đa dạng của hệ sinh thái. Khi hệ sinh thái đa dạng tự nhiên bị thay thế (displacement), thì cơ hội thực hành các hành vi tín ngưỡng cũng bị thay đổi. Nhân giá trị của cộng đồng bị biến dạng. Luật - Tục và các hành vi nuôi dưỡng và phụng thờ Sinh vật Trung tâm và các sinh vật phụ bị mai một theo thời gian.

Sơ đồ BHE - Trần thị Lành 1989 - 1999 - 2009



Bản chất đa dạng và hệ thống của hệ sinh thái đã thấm đượm nên tính đa dạng và đặc thù văn hóa riêng biệt của từng tộc người. Hệ sinh thái càng đa dạng, không gian thực hành các hành vi tín ngưỡng càng phong phú, Luật và Tục bất thành văn của các tộc người trong khả năng tự duy trì, tự nuôi dưỡng và tự phát triển các hệ sinh thái của chính họ càng an toàn và bền vững. Giá trị và hành vi vị cộng đồng và vị tự nhiên càng ngày càng bền vững đối với những bản làng ít bị tác động bởi các thiết chế chính thống.

Sinh thái Nhân văn Sinh học tôn trọng sự đa dạng bình đẳng giữa các quan niệm giá trị của từng tộc người trong từng hành vi và tư duy tiếp cận phát triển bền vững cộng đồng cấp làng bản lưu vực Mêkông.

Sinh thái Nhân văn Sinh học tôn trọng tương tác bằng hữu giữa Sinh vật Trung tâm của Hệ sinh thái và Nhân giá trị của cộng đồng như là một uy quyền tối thượng của Tự nhiên - Tín ngưỡng phụng dưỡng thiên nhiên.

Ứng dụng Sinh thái Nhân văn Sinh học trong phát triển cộng đồng các tộc người thiểu số lưu vực Mêkông

Cùng với sự hình thành khái niệm **BHE**, chín bước tiếp cận nghèo cấu trúc từ các hoạt động thực tiễn và chiến lược phát triển **PASTE** (**P**articipation, **S**hareresponsibility for **T**ransparency and **E**quality) cũng được đúc kết và trở thành một chuỗi cộng hưởng trong hành vi và tư duy phát triển cộng đồng.

Chín bước Tiếp cận trong Giảm nghèo cấu trúc và Phát triển Bền vững

Bước 01. Nghiên cứu và học ngôn ngữ, tập quán, phong tục, niềm tin tín ngưỡng, kiến thức và kinh nghiệm của cộng đồng.

Bài học rút ra được từ bước tiếp cận 01

- Nhận dạng sự khác biệt giữa các quan niệm về giá trị;
- Hiểu được cấu trúc xã hội truyền thống và các lễ nghi ứng xử giữa con người với thiên nhiên;
- Hiểu được mình là ai, phải làm gì và làm như thế nào, bắt đầu từ đâu là hợp với tâm lý và không vi phạm ý chí và lòng tự trọng dân tộc của cộng đồng.

Bước 02. Phối hợp chặt chẽ với già làng và trưởng bản, liên kết giữa luật tục của cộng đồng với hệ thống pháp lý chính thống của chính quyền địa phương.

Bài học rút ra được từ bước tiếp cận 02

- Phát huy tối đa vai trò lãnh đạo truyền thống của cộng đồng, tạo được môi trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của lãnh đạo truyền thống trong cộng đồng, phát hiện các bất cập, phân tích ảnh hưởng các bất cập của chính sách trong quá trình

tiếp cận cộng đồng. Tạo được môi trường tham gia chia sẻ và phản biện giữa già làng với hệ thống lãnh đạo chính quyền bản, xã và huyện;

- Hiểu được ý nghĩa thể tự chủ và tự chịu trách nhiệm của lãnh đạo truyền thống, động viên tối đa cơ hội tham gia của cộng đồng trong các hoạt động phát triển, giảm bớt tâm lý tự ti, mặc cảm, tăng tính tự tin và hiểu biết lẫn nhau giữa hai hệ thống truyền thống và chính thống thông qua các cuộc tham quan chia sẻ ;
- Tạo hành lang bình đẳng tham gia giữa hệ thống thiết chế chính trị xã hội truyền thống và chính thống trong quá trình triển khai các hoạt động tại cộng đồng.

Bước 03. Tạo cơ hội để các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau được tự do gặp gỡ, liên kết với nhau trong quá trình hình thành các nhóm cùng sở thích.

Bài học rút ra được từ bước tiếp cận 03

- Cộng đồng tự phát hiện ra những điểm chung, cùng tìm giải pháp tự giải quyết các vấn đề theo phong tục, văn hoá và các điều kiện sinh thái, địa lý đặc thù riêng của từng dân tộc.
- Đến với cộng đồng, nên sạch trong lòng, trong trong mắt, thật trong tâm hồn, khôn trong lý trí, kỹ trong công việc
- Cộng đồng sẽ cung cấp cho chúng ta những giải pháp thiết thực trong các bước tiếp cận tâm lý, trong nghệ thuật giao tiếp để tiếp tục khám phá các bí ẩn của họ.

Bước 04. Tạo môi trường cho cộng đồng gặp gỡ đúng người, đúng chủ đề, đúng nơi và đúng lúc, để họ cùng nhau tự tìm ra các giải pháp tự giải quyết.

Bài học rút ra được từ bước tiếp cận thứ 04

- Cộng đồng tự xác định các bức xúc chia khoá, nguyên nhân và hậu quả của bức xúc, tự liên kết với nhau thành các nhóm sở thích, để giải quyết các bức xúc của chính họ;
- Cộng đồng tự xác định mục tiêu và chiến lược để thực hiện mục tiêu của mình dựa vào phong tục và bản sắc văn hoá của chính họ trên cơ sở đồng thuận thông qua các qui ước tự nguyện giữa các nhóm sở thích với nhau. Đây là cơ sở phát triển và nhân rộng các CBOs và CBIs² ;
- Cộng đồng tự đề xuất các bước đi trong tiếp cận giúp cho các tổ chức phát triển và các nhà thực thi chính sách tại địa phương không bị sai lầm áp đặt.

Bước 05. Tạo hành lang pháp lý và những điều kiện vật chất tối thiểu để cộng đồng tự xây dựng các mô hình điểm phát triển cộng đồng và xoá đói giảm nghèo.

Bài học rút ra được từ bước tiếp cận thứ 05

- Động viên tối đa cơ hội thực hành kinh nghiệm địa phương tại các mô hình xoá đói giảm nghèo cấp hộ, liên kết hộ, cộng đồng, liên kết cộng đồng hợp lòng dân,

² CBO = Community Based Organization, CBI = Community Based Institution

hợp trình độ, dễ ứng dụng, nhìn được, tin được để các hộ trong và ngoài cộng đồng vận dụng và mở rộng.

- Phát huy tối đa sự tham gia chia sẻ tự nguyện về bức xúc, sáng kiến, giải pháp giữa các thành viên trong từng nhóm sở thích, là nền tảng tạo dựng niềm tin giữa các thành viên trong cộng đồng, là tiền đề của tiến trình phân quyền và dân chủ hóa tại cộng đồng;
- Có được các chỉ số thực tế, các mô hình tổ chức cộng đồng tin cậy để phân tích, trình diễn và phân biện các chính sách xóa đói giảm nghèo và phát triển tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Bước 06. Cung cấp những điều kiện và phương tiện cơ bản để cộng đồng tự kiểm tra và đánh giá chéo lẫn nhau

Bài học rút ra được từ bước tiếp cận thứ 06

- Cộng đồng cởi mở và tự do tranh luận, các sáng kiến nảy nở, lòng tự trọng và tâm lý dân tộc cùng với không khí chất vấn, phản biện xuất hiện thông qua giám sát tư vấn và đánh giá chéo giữa các nhóm sở thích trong tiết kiệm tín dụng, trong chăn nuôi, trong làm vườn và trong các chương trình phát triển cộng đồng tại địa phương;
- Xuất hiện không gian và tư duy phê phán giữa các thành viên, giữa các nhóm trên cơ sở những phát hiện yếu kém của chiến lược đánh giá và kiểm tra chéo lẫn nhau;
- Không khí thi đua hình thành giữa các nhóm, các cộng đồng và các mạng chủ đề.

Bước 07. Tổ chức hội thảo mở rộng giữa nhiều đối tác: cộng đồng, chính quyền, tổ chức phát triển, công luận, các nhà nghiên cứu phát triển, các nhà lập định chính sách

Bài học rút ra được từ bước tiếp cận 07

- Quan niệm truyền thống về quyền sở hữu, về tài nguyên rừng, đất và nước giữa cộng đồng và Pháp luật không tương đồng về GIÁ TRỊ
- Chồng chéo sở hữu về tư liệu sản xuất - đất rừng và xung đột giữa lâm trường quốc doanh và các cộng đồng là chủ đề chìa khóa;
- Nhu cầu được trực tiếp đàm phán và thương thuyết với các nhà thực thi và lập định chính sách;
- Nhu cầu được xác lập chủ quyền sử dụng tư liệu sản xuất - đất rừng;
- Nhu cầu được giám sát tư vấn và được đóng góp các ý kiến phản biện trực tiếp việc thực thi chính sách của các cấp lãnh đạo địa phương;

Bước 08. Tạo môi trường hiểu biết về thể chế để cộng đồng xây dựng quy chế tự quản, tự chịu trách nhiệm thực hiện những mục tiêu mà họ đề ra.

Bài học rút ra được từ bước tiếp cận thứ 08

- Nhu cầu được tự tổ chức, quản lý và thực thi các nội dung xoá đói giảm nghèo , tự kiểm tra và đánh giá chéo các đầu ra, kết quả và tính ảnh hưởng của các nội dung xoá đói giảm nghèo và phát triển;
- Nhu cầu được chủ động phân tích, và tự quyết định việc chấp nhận hay không chấp nhận các tác động trực tiếp từ bên ngoài;
- Nhu cầu được trực tiếp giao lưu và tiếp cận thị trường;
- Nhu cầu được trao đổi thông tin và văn hoá giữa các cộng đồng;
- **Xuất hiện mong muốn được thành lập các hội, các tổ chức theo mục tiêu riêng độc lập.**

Bước 09. Tìm kiếm các đối tác hợp tác mới - mở rộng giao lưu và liên kết mạng lưới - kết nối mạng lưới các nhóm sở thích trực tiếp với các tổ chức kinh tế phát triển - tạo tiền đề hình thành các doanh nghiệp cộng đồng và phát triển nhận thức và hiểu biết của xã hội về vai trò của các Doanh nhân Cộng đồng. (Mạng lưới rừng thuốc nam, rừng No sòng...)

Bài học rút ra từ bước tiếp cận thứ 09

- Nhu cầu được tư vấn cách duy trì các giá trị tự nguyện của mạng các chủ đề;
- Nhu cầu được cải tổ mạng lưới các chủ đề để giao lưu với thị trường;
- Nhu cầu được tự quản lý và điều phối các mô hình tổ hợp dịch vụ;
- Nhu cầu được tăng cường năng lực phân tích chi phí - hiệu quả và phân phối lợi ích.
- Nhu cầu giao lưu rộng lớn hơn
- Nhu cầu quay trở lại qui hoạch sử dụng và quản lý cảnh quan dựa trên Tín ngưỡng và quan niệm về thế giới Tự nhiên của Cộng đồng.